

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG XƯƠNG
TỈNH THANH HÓA**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/5/2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp
nuôi con khi ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG, TỈNH THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Sỹ Quyền.

2. Bà Nguyễn Thị Lệ Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thu - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 284/2020/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 03/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05/5/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hà Thị T, Sinh năm 1992

Bị đơn: Anh Lê Hữu L, Sinh năm 1986

Cùng địa chỉ: Thôn L, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt chị T, anh L (chị T có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hà Thị T trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Lê Hữu L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/6/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được gần 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp dẫn đến thường xuyên cãi vã đánh đập lẫn nhau. Mâu thuẫn vợ chồng càng tăng nhất từ giữa năm 2017, mặc dù, sống chung một nhà nhưng không ai quan tâm đến ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh L.

- *Về con cái*: Vợ chồng có 2 con chung tên là Lê Thị Hà T, sinh ngày 21/3/2010, Lê Hữu Q, sinh ngày 15/7/2013. Nếu được ly hôn chị xin nuôi cháu T để cháu Q cho anh L nuôi dưỡng không ai phải đóng góp tiền nuôi con chung với ai.

Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lê Hữu L trình bày:

-*Về hôn nhân*: Anh và chị Hà Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự do tìm hiểu. Tổ chức cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/6/2009.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh thường xuyên đi làm ăn xa không có thời gian chăm sóc vợ, con dẫn đến chị T có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác, anh và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị T vẫn chứng nào tật đó. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 11/2020 đến nay. Nay chị T làm đơn xin ly hôn anh tại tòa án, anh không đồng ý, vì anh vẫn còn yêu thương vợ và các con, anh muốn vợ chồng trở về đoàn tụ để nuôi dạy con cái ăn học.

-*Về con chung*: Vợ chồng có 2 con chung tên là Lê Thị Hà T, sinh 21/3/2010, Lê Hữu Q, sinh ngày 15/7/2013. Nếu phải ly hôn anh giao cả 2 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị T.

-*Về tài sản và công nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/01/2021 của các cháu Lê Thị Hà T, Lê Hữu Q trình bày: Nếu bố mẹ phải ly hôn, nguyện vọng các cháu xin ở với mẹ.

Thu thập chứng cứ tại địa phương: Chị Hà Thị T và anh Lê Hữu L xây dựng gia đình với nhau có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại gia đình nhà chồng thuộc thôn 4 (nay là thôn L), xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn hay không thì địa phương không nắm được vì chị T và anh L không báo cáo chính quyền địa phương. Nay chị T xin ly hôn anh L, đề tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. *Về con cái*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Thị Hà T, sinh 21/3/2010, Lê Hữu Q, sinh ngày 15/7/2013. Nếu chị T, anh L ly hôn đề nghị tòa án giải quyết theo pháp luật. *Về tài sản và công nợ*: Địa phương không nắm rõ, đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và nguyên đơn đã tuân thủ đúng theo quy định của pháp luật tố tụng. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ, nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do là không tuân thủ nghiêm chỉnh theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Điều 56, 57; Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 4 Điều 147; Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14. Xử cho chị Hà Thị T được ly hôn anh Lê Hữu L. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Thị Hà T, sinh 21/3/2010, Lê Hữu Q, sinh ngày 15/7/2013, giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không ai phải đóng

góp tiền nuôi con chung với chị T. Về tài sản và công nợ: Không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]*Về tố tụng*: Chị Hà Thị T và anh Lê Hữu L có đăng ký hộ khẩu thường trú tại xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa. Chị T xin ly hôn anh L tại Tòa án. Đây là quan hệ “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa là đúng theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật, anh L vắng mặt không có lý do. Căn cứ Khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

Chị T, sinh ngày 10/4/1992 đến ngày 11/6/2009 chị và anh L đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa thì chị T mới đủ 17 tuổi 02 tháng 01 ngày; tuy nhiên theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 về điều kiện kết hôn, nam từ 20 tuổi, nữ từ 18 tuổi. Như vậy đến thời điểm đăng ký kết hôn, chị T không vi phạm điều kiện kết hôn.

[2]*Về hôn nhân*: Chị T, anh L kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa ngày 11/6/2009 là Hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T là do tính tình vợ chồng không hợp, thường xuyên cãi nhau. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ giữa năm 2017. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, chị yêu cầu tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh L.

Anh L thừa nhận, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh đi làm ăn xa không có thời gian chăm sóc vợ, con dẫn đến chị T có quan hệ ngoài luồng với người đàn ông khác, anh và gia đình đã khuyên giải nhiều lần nhưng chị T không nghe. Mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nhất từ tháng 11/2020. Nay chị T xin ly hôn anh tại tòa án, anh không đồng ý, anh mong muốn vợ chồng về đoàn tụ để nuôi dạy con cái ăn học.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã tạo điều kiện về thời gian cho vợ chồng anh, chị để vợ chồng cải thiện tình cảm; tuy nhiên, anh L vẫn không có biện pháp gì để níu kéo được tình cảm giữa vợ, chồng.

Xét thấy, tình cảm giữa vợ chồng anh, chị là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặt khác, anh, chị đã không còn quan tâm, chăm sóc nhau một thời gian dài từ tháng 11/2020 đến nay. Do đó HĐXX căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Hà Thị T.

[3]*Về con cái*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Thị Hà T, sinh ngày 21/3/2010, Lê Hữu Q, sinh ngày 15/7/2013.

Quá trình giải quyết vụ án chị T, anh L thỏa thuận giao cả hai con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung với chị T.

Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung giữa anh L, chị T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[4] *Về tài sản và công nợ*: Anh, chị không yêu cầu giải quyết, HĐXX không xét.

[5] *Về án phí*: Chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ theo quy định tại khoản 4 Điều 147 BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000. Khoản 1 Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Khoản 1, Điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228; Điều 271; Khoản 1 Điều 273; Điều 278; Khoản 1 Điều 280 của BLTTDS. Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Xử:

1. *Về hôn nhân*: Chị Hà Thị T được ly hôn anh Lê Hữu L.

2. *Về con chung*: Vợ chồng có 02 con chung tên là Lê Thị Hà T, sinh ngày 21/3/2010, Lê Hữu Q, sinh ngày 15/7/2013.

Giao cả 02 con cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh L không phải đóng góp tiền nuôi con chung với chị T.

Anh L có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. *Về tài sản và công nợ*: Chị T, anh L không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về án phí*: Chị T phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 2302 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

Chị T, anh L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND H.Quảng Xương;
- UBND xã Q, Huyện Q;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Lý